

NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ NGĂN CẢN SỰ PHÁT TRIỂN MÀ VIỆT NAM ĐANG PHẢI ĐỐI MẶT TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP NỀN KINH TẾ

Nguyễn Thị Phương Mai¹

Tóm tắt: Việt Nam bước vào giai đoạn thực hiện chiến lược phát triển 2011 - 2020 với tư cách là một nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp. Mục tiêu phát triển của Việt Nam là đến năm 2020 về cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, có thu nhập trung bình. Tuy nhiên, thực tế phát triển đất nước những năm qua cho thấy, bên cạnh những nhân tố thuận lợi là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của đất nước, vẫn còn tồn tại những yếu tố ngăn cản sự phát triển bền vững đất nước, ngăn cản việc thực hiện mục tiêu trên. Bài viết này tập trung nghiên cứu, chỉ ra một số yếu tố là điểm yếu cản trở sự phát triển.

Từ khóa: Phát triển, tăng trưởng, mô hình tăng trưởng, bẫy thu nhập trung bình

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đã tham gia và trở thành thành viên của nhiều tổ chức khu vực và thế giới. Và cũng đã hơn sáu năm, Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO. Những phần khởi, kỳ vọng ban đầu về những cơ hội mà nước ta sẽ nhận được khi gia nhập WTO, nền kinh tế sẽ nhanh chóng phát triển, đất nước sẽ sớm hóa “rồng” đã dần bị thay thế bởi những hoài nghi, lo lắng. Cái chúng ta nhận được không như cái chúng ta kỳ vọng - kết quả phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam đã không được như mong muốn: Kinh tế phát triển chưa bền vững, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá chậm; chế độ phân phối còn nhiều bất hợp lý, phân hoá giàu nghèo tăng lên. Những hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường chậm được khắc phục; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tội phạm, tệ nạn xã hội, suy thoái đạo đức, lối sống chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Những số liệu gần đây cho thấy tốc độ tăng trưởng trung bình của Việt Nam bắt đầu xu thế suy giảm nhanh và liên tục từ cuối 2007, và đến cuối 2012 nằm ở mức thấp nhất kể từ 2000. Trong khi đó, tăng trưởng của các nước ASEAN

đều khởi sắc hơn kể từ giai đoạn cuối 2009, sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

Đã đến lúc phải nhìn nhận lại một cách nghiêm túc quá trình mở cửa hội nhập. Những yếu tố cơ bản ngăn cản quá trình phát triển mà Việt Nam đang phải đối mặt là gì? Để quá trình hội nhập có hiệu quả, Việt Nam cần làm gì?

2. CÁC YẾU TỐ NGĂN CẢN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA QUỐC GIA TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP

1. Con đường phát triển?

Phát triển một cách “tuần tự” hay “Đi tắt đón đầu”, “đốt cháy giai đoạn”? Đây là một câu hỏi mà hầu như quốc gia đang phát triển nào cũng đều đặt ra?

Có thể nói hầu hết các nước đang phát triển đã đạt tới mức thu nhập trung bình đều có sự khát khao vươn tới thịnh vượng rất mãnh liệt. Tâm lý này không chỉ xuất phát từ nhu cầu bên trong, tự thân của đất nước mà tâm lý ấy còn được cháy bỏng thêm do dư luận của cộng đồng thế giới. Người ta đã dùng rất nhiều từ có cánh để chỉ sự trỗi dậy của Đông Á, của các con rồng châu Á, khi sự trỗi dậy này đã làm ảnh hưởng địa chính trị thế giới như: “Điều thần kỳ châu Á”, “kỷ nguyên châu Á” đã bắt đầu...những nước NICs/NIEs như Đài Loan, Singapo, Hàn Quốc...được gọi là “rồng”, những nước mới nổi lên như Indonesia, Malaysia, Philipines, Thái Lan và đôi khi cả Trung Quốc được gọi là “hổ”,...vì vậy, phương thức “đi tắt

¹ Trường Đại học Thủy lợi

đón đầu”, hệ quả của điều đó, đã trở thành tâm lý phổ biến chi phối nhiều hoạt động của đất nước, trong đó có Việt Nam.

Từ quá trình phát triển của các quốc gia trên, có thể thấy khi biết “đi tắt đón đầu” hợp lý cũng đã mang lại những thành công đáng kể trong hoạt động kinh tế, tiếp thu khoa học, chuyên gia công nghệ,... tuy nhiên tâm lý “nóng vội”, “đốt cháy giai đoạn” cũng đã hình thành, đặc biệt trong kinh doanh, làm ăn kinh tế... Tâm lý ấy xuất hiện và in dấu không chỉ ở các doanh nghiệp, doanh nhân, hay những người lao động, mà thậm chí còn cả ở một số nhà quản lý ở tầm vĩ mô.

Nhiều người đã tưởng rằng, với tốc độ tăng trưởng 8% - 9% năm, chẳng mấy chốc đất nước sẽ hóa rồng, tưởng rằng với nền kinh tế chuyển đổi năng động, nhiều người sẽ nhanh chóng giàu có.

Có hai khái niệm mà nhiều người không phân biệt hoặc không phân biệt được, đó là “*Tính sinh lợi*” và “*lợi nhuận*”.

Chỉ số sinh lợi (PI) là chênh lệch giữa thu nhập trong tương lai với vốn đầu tư hiện tại.

Lợi nhuận là phần tài sản mà nhà đầu tư nhận thêm nhờ đầu tư sau khi đã trừ đi các chi phí liên quan đến đầu tư đó, bao gồm cả chi phí cơ hội, là phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí.

Chính vì tâm lý nóng vội, muốn nhanh chóng phát triển, mà vì vậy lợi nhuận được coi là động lực duy nhất cho nhiều hoạt động ở Việt Nam. Còn tính sinh lợi, cái có thể tạo ra lợi nhuận bền vững, không được quan tâm. Lợi nhuận và lợi nhuận tức thì, lợi nhuận với khối lượng lớn, lợi nhuận cả trong các hoạt động ngoài kinh tế,... lại là cái được chú trọng, chú trọng quá mức và điều này đã trở thành cạm bẫy ngăn cản sự phát triển. Cũng có lẽ từ đó, dư luận xã hội đã bắt đầu nói nhiều đến khái niệm “*nhóm lợi ích*”.

“*Nhóm lợi ích*” là một tập đoàn có tổ chức của những người có cùng chung một số mục đích và họ muốn gây ảnh hưởng vào chính sách công. Lợi nhuận cục bộ của các “*nhóm lợi ích*” đôi khi đã làm thay đổi các mục tiêu tốt đẹp, làm méo mó các hoạt động kinh tế - xã hội.

Và chính khát khao phát triển đã góp phần làm nảy sinh và duy trì những hiện tượng tiêu

cực, những điều bất bình thường trong các hoạt động kinh tế - xã hội ở thời toàn cầu hóa. Chẳng hạn như tham nhũng, ở đâu cũng có. Nhưng điều tệ hại hơn là đi đôi với tham nhũng là sự “làm ngơ trước tham nhũng”. Chính lợi ích trước mắt, cục bộ, tức thời, tính thực dụng đã cản trở người ta thực hiện mục tiêu phát triển của mình.

2. Mô hình tăng trưởng?

Lựa chọn mô hình tăng trưởng nào? Đây cũng là câu hỏi được đặt ra nhiều?

Tăng trưởng là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp quan trọng hàng đầu, có liên quan mật thiết đến các biến số vĩ mô khác như việc làm, lạm phát, nghèo đói,...

Thực tế cho thấy nhiều “loại” tăng trưởng không những không đem đến cho con người cuộc sống tốt đẹp hơn mà trái lại còn để lại những hậu quả không tốt mà các thế hệ tương lai phải gánh chịu. Năm 1996, UNDP đã chỉ ra 5 loại tăng trưởng xấu để các quốc gia tham khảo, đó là: Tăng trưởng không việc làm; Tăng trưởng không lương tâm (Tăng trưởng chỉ đem lại lợi ích cho một bộ phận nhỏ người giàu, điều kiện sống của phần đông người nghèo không được cải thiện); Tăng trưởng không tiếng nói (Tăng trưởng không gắn với sự cải thiện về dân chủ); Tăng trưởng không gốc rễ (Tăng trưởng nhưng đạo đức xã hội bị suy thoái) và tăng trưởng không tương lai (Tăng trưởng nhưng huỷ hoại môi trường sống của con người).

Năm 1987, vấn đề phát triển bền vững được WB đề cập lần đầu tiên, đó là “*Sự phát triển đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm nguy hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của thế hệ tương lai*”. Khái niệm trên được đề cập đầy đủ hơn tại hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về phát triển bền vững tổ chức tại Nam Phi năm 2002: Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển gồm tăng trưởng kinh tế, cải thiện các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường.

Nhìn chung, về lý thuyết, ai cũng nhận thức được cần phải lựa chọn mô hình tăng trưởng đảm bảo sự phát triển bền vững. Nhưng chính tâm lý ăn xổi ở thì, dẫn đến giữa nhận thức và hành động còn có khoảng cách khá xa. Người ta

vẫn lựa chọn mô hình nào có thể làm cho kinh tăng trưởng cao hơn (dù chỉ trong chốc lát). Người ta vẫn chủ yếu dựa vào khai thác triệt để những lợi thế mà mình đang sẵn có như tài nguyên, lao động phổ thông giá rẻ,...mà những lợi thế này sẽ lại là những bất lợi trong tương lai khi tài nguyên cạn kiệt, môi trường bị tàn phá, lao động tay chân sẽ bị thừa ế vì khi đó người ta cần nhiều lao động có chất lượng cao cho phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế tri thức.

3. Xu hướng hội nhập quốc tế

Trong bối cảnh quốc tế hóa, toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế trở thành xu thế tất yếu khách quan đối với tất cả các nước. Tuy nhiên hội nhập kinh tế quốc tế chưa phải là điều kiện đủ để quyết định sự phát triển. Bản thân xu thế này cũng trở thành một thách thức đối với các nước. Những thách thức đó là:

Một là, cạnh tranh trở nên quyết liệt hơn. Cạnh tranh không chỉ giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp các nước trên thị trường nước ngoài để xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ mà cạnh tranh ngay trên thị trường trong nước. Điều đó gây sức ép không nhỏ đối với nhiều doanh nghiệp, nhất là những doanh nghiệp đã quen với sự trợ giúp của Nhà nước, những doanh nghiệp có tiềm lực tài chính và công nghệ yếu kém mà tình trạng này lại khá phổ biến ở doanh nghiệp ở Việt Nam.

Hai là, hội nhập kinh tế quốc tế với sự chuyển dịch tự do qua biên giới các yếu tố của quá trình tái sản xuất hàng hóa và dịch vụ cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro, trong đó có cả những rủi ro về mặt xã hội. Thách thức ở đây là phải đề ra được những chính sách đúng đắn, phải tạo dựng được môi trường để quá trình chuyển dịch cơ cấu và bố trí lại nguồn lực diễn ra một cách suôn sẻ, với chi phí thấp.

Ba là, hội nhập kinh tế quốc tế đang đặt ra những yêu cầu hết sức cấp bách cho việc bổ sung và hoàn thiện thể chế. Trước hết, phải liên tục hoàn thiện môi trường kinh doanh để thu hút đầu tư và phát huy mọi tiềm lực của tất cả các thành phần kinh tế. Đồng thời không ngừng hoàn thiện các quy định về cạnh tranh để bảo đảm một môi trường cạnh tranh lành mạnh và công bằng khi hội nhập.

Bốn là, Một trong những nguyên tắc chủ đạo của WTO là minh bạch hóa nên khi gia nhập WTO, nền hành chính quốc gia chắc chắn sẽ phải có sự thay đổi theo hướng công khai hơn, minh bạch hơn và hiệu quả hơn. Nếu không tạo ra được một nền hành chính như vậy thì chẳng những không tận dụng được các cơ hội do hội nhập kinh tế nói chung và việc gia nhập WTO nói riêng đem lại mà cũng không chống được tham nhũng, lãng phí nguồn lực.

Năm là, cần phải có một đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước và đội ngũ doanh nhân đủ mạnh. Đây cũng là một thách thức to lớn đối với Việt Nam do phần đông cán bộ của ta còn bị hạn chế về kinh nghiệm điều hành nền kinh tế mở, có sự tham gia của yếu tố nước ngoài. Con số 30% cán bộ lãnh đạo thi nâng ngạch chuyên viên chính lên chuyên viên cao cấp không đạt; 30% cán bộ đến cơ quan chỉ để đọc báo nghe đài được dư luận đề cập đến vừa qua là một minh chứng hùng hồn. Nếu không có sự chuẩn bị phù hợp, thách thức này sẽ chuyển thành những khó khăn dài hạn rất khó khắc phục.

4. Bẫy thu nhập trung bình

Bẫy thu nhập trung bình là khái niệm chỉ tình trạng một quốc gia thoát nghèo, gia nhập vào nhóm nước có thu nhập trung bình nhưng mất nhiều thập kỷ vẫn không trở thành quốc gia phát triển.

Khi sa vào bẫy thu nhập trung bình, các nước sẽ phải đối mặt với vấn đề: không còn quá nghèo để phải dồn mọi nguồn lực cho tăng trưởng, nhưng lại chưa đủ giàu về hạ tầng kinh tế - xã hội, về các nguồn lực nội sinh cho đất nước sớm "hóa rồng". Bước nhảy từ mức thu nhập 1000 USD người/năm lên mức trên 10.000 USD người /năm là quan trọng. Chỉ có nền kinh tế nào vượt qua mốc thứ nhất và sau đó tiếp tục tăng trưởng mạnh để đạt tới mốc thứ hai, rồi vẫn tiếp tục tăng trưởng thì mới trở thành nền kinh tế công nghiệp hóa, nghĩa là mới có thể "hóa rồng".

Từ năm 2009, Việt Nam đã chính thức bước vào nhóm nước có thu nhập trung bình. Đây là cột mốc quan trọng, mở ra nhiều cơ hội mới cho sự phát triển của nền kinh tế nước ta. Tuy nhiên, sự tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam những năm vừa qua chủ yếu dựa vào việc khai thác tài nguyên và sử dụng lao động giá rẻ (để làm các

công việc gia công, lắp ráp); dựa vào nguồn vốn FDI, ODA. Còn nguồn lực thực sự cho tăng trưởng là giá trị mới do các chủ thể trong nước tạo ra dựa vào năng suất, chất lượng rất thấp, tức là sự tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam những năm qua mới chỉ là tăng trưởng về số lượng, mà chưa có sự tăng trưởng về mặt chất lượng. Nghiên cứu của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) vừa công bố cho thấy năng suất lao động của Việt Nam năm 2013 thuộc nhóm thấp nhất Châu Á – Thái Bình Dương (những nơi có thể thu thập số liệu) – thấp hơn Singapore gần 15 lần, thấp hơn Nhật 11 lần và Hàn Quốc 10 lần. So với các nước láng giềng ASEAN có mức thu nhập trung bình, năng suất lao động của Việt Nam vẫn có khoảng cách lớn, chỉ bằng một phần năm Malaysia và hai phần năm Thái Lan.

Với mô hình tăng trưởng như vậy, Việt Nam có thể sẽ sa vào “bẫy thu nhập trung bình” trên con đường phát triển. Điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển bền vững của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

- [1] Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011
- [2] Lê Quốc Hội, 2010. “Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập: Lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số tháng 1/2010.
- [3] Đặng Kim Sơn, Kinh nghiệm quốc tế về nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong quá trình công nghiệp hóa, NXB Chính trị Quốc gia, 2008
- [4] Harvard University, John F. Kennedy School of Government, Chương trình châu Á (2008). Lựa chọn Thành công: Bài học từ Đông Á và Đông Nam Á cho tương lai của Việt Nam.
- [5] Kenichi3 Ohno (VDF/GRIPS), 2010, Vượt qua bẫy thu nhập trung bình, đổi mới hoạch định chính sách công nghiệp ở Việt Nam.

3. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã phân tích làm rõ các yếu tố đang ngăn cản sự phát triển đất nước ta trong điều kiện hội nhập với nền kinh tế thế giới. Việc nghiên cứu các yếu tố ngăn cản sự phát triển và nhận diện đúng các yếu tố đó là cần thiết để từ đó xây dựng các giải pháp vừa tận dụng được cơ hội bên ngoài, vừa phát huy được năng lực nội sinh thúc đẩy sự phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Mặc dù còn tồn tại những yếu tố ngăn cản sự phát triển, nhưng Việt Nam cũng đang đứng trước nhiều thời cơ, thuận lợi trong việc lựa chọn và thực thi chiến lược phát triển rút ngắn, bắt kịp để tiến cùng thời đại. Vốn quý nhất của Việt Nam là con người. Chăm lo và phát triển tốt vốn con người là điều kiện quyết định sự phát triển bền vững, quyết định sự thành công của Việt Nam trong việc trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại có thu nhập trung bình vào năm 2020.

Abstract

STUDY OF FACTORS THAT PREVENT THE DEVELOPMENT OF VIETNAM FACES DURING ECONOMIC INTEGRATION

Vietnam entered the implementation phase development strategy 2011 - 2020 as a developing country has a low average income. The objective is the development of Vietnam in 2020 basically become a modern, industrialized, middle-income earners. However, the actual development of the country the past few years shows that, besides the favorable factors are important driving force to promote the development of the country, still exist factors inhibit sustainable development country, hindering the implementation of the above objectives. This article focused research, pointed out a number of factors are weaknesses hinder development.

Keywords: Development, growth, growth patterns, the average income trap

Người phản biện: PGS. TS. Nguyễn Bá Uyên

BBT nhận bài: 14/5/2014

Phản biện xong: 12/6/2014